TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH LIÊU** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HS-ST
Ngày 14 - 5- 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LIÊU, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mạ Dì Sơn

Bà Hoàng Thị Niên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lục Văn Biên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Phúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST- HS ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh đối với bị cáo:

Họ và tên: Nông Thị L (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 21 tháng 11 năm 1984 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; Nơi ĐKHKTT: thôn B, xã T (nay là xã B), huyện V, tỉnh Lạng Sơn; Nơi cư trú hiện nay: thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn T, sinh năm: 1961, con bà: Nông Thị V, sinh năm: 1963; Có chồng là Nguyễn Thế K, sinh năm 1980 (đã ly hôn năm 2017), có 01 con sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ ngày 19/12/2019 đến ngày 22/12/2019 chuyển sang tạm giam, ngày 15/01/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo Lĩnh đến ngày 15/03/2020, hiện tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Đoàn Văn L, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1990; địa chỉ: thôn K, xã H, huyện B,

tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

+ Chị Hà Thị P, sinh năm: 1991; Trú tại: thôn Đ, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xử vắng mặt)

+ Chị Lê Thị H, sinh năm: 1987; Trú tại: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (Có đơn xin xử vắng mặt)

+ Anh Hoàng Tiến T, sinh năm: 1986; Trú tại: thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

+ Bà Hà Thị H, sinh năm: 1970; Trú tại: thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (Có đơn xin xử vắng mặt)

- Người tham gia tố tụng khác:

Người chứng kiến:

+ Bà Ngô Thị S, sinh năm: 1968

Trú tại: thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh

Vắng mặt

+ Bà Ngô Thị N, sinh năm: 1971

Trú tại: thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2011, anh Hoàng Tiến T, sinh năm: 1986, tạm trú tại: thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh thuê nhà và mở quán Karaoke (không có biển hiệu) ở thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Đầu năm 2019 anh T nhờ Nông Thị L đứng ra quản lý và điều hành quán Karaoke cho anh T. Đến khoảng đầu tháng 12/2019 do có nhiều khách đến hát Karaoke hỏi mua dâm nên L nảy sinh ý định tìm gái bán dâm để bán dâm cho khách mua dâm tại quán khi khách có nhu cầu nhằm thu lời bất chính. Cũng trong khoảng thời gian này L thuê các chị Lê Thị H, sinh năm: 1987, trú tại: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh và chị Hà Thị P, sinh năm: 1991, trú tại: thôn Đ, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa làm nhân viên phục vụ và dọn dẹp phòng Karaoke. Đồng thời L thỏa thuận với chị H và chị P bán dâm cho khách tại quán khi khách có nhu cầu, giá mỗi lần mua dâm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), L giữ lại 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng), còn chị H và chị P được hưởng 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) thì chị H và chị P đồng ý.

Khoảng 13 giờ ngày 19/12/2019 các anh Đoàn Văn L và Nguyễn Văn S rủ nhau đến quán Karaoke của L để cùng thỏa thuận mua dâm, L thỏa thuận giá mua dâm là 300.000đ/lần (ba trăm ngàn đồng một lần). Anh L và anh S trả đủ

mỗi người 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) cho L. Sau đó L sắp xếp cho chị P bán dâm cho Anh L ở phòng số 03, chị H bán dâm cho anh S ở phòng số 04 của quán. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi H và anh S, chị P và Anh L đang thực hiện hành vi mua dâm thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Liêu phát hiện bắt quả tang. Thu giữ tại mỗi phòng một vỏ bao cao su và một bao cao su nhãn hiệu VIP đã qua sử dụng, thu giữ của L số tiền 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng). Ngoài ra thu giữ 08 bao cao su nhãn hiệu VIP chưa qua sử dụng (bút lục từ số 40 – 43, 70- 75, 86, 97, 93, 94).

Quá trình điều tra, Nông Thị L khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về vật chứng, tài sản thu giữ: Đối với 02 bao cao su đã qua sử dụng, 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu VIP, 08 bao cao su chưa qua sử dụng Cơ quan điều tra đã tiến hành tiêu hủy theo quy định (Bút lục số 56).

Tại Bản cáo trạng số: 07/CT- VKS - BL ngày 08/4/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nông Thị L về tội: "Chứa mại dâm" theo quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi bán dâm của Hà Thị P và Lê Thị H ngày 20/12/2019 Công an huyện Bình Liêu đã ra quyết định xử lý vật chứng.

Đối với Đoàn Văn L, Nguyễn Văn S quá trình ghi lời khai tại cơ quan điều tra đã tự ý bỏ đi, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh làm rõ xử lý sau.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đưa ra các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên nội dung truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố: bị cáo Nông Thị L phạm tội: "Chứa mại dâm"; Áp dụng: khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nông Thị L: từ 15 (Mười lăm) tháng tù đến 18 (Mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 (Ba mươi) tháng đến 36 (Ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng) trong đó có: 01 (một) tờ tiền mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) và 01 (một) tờ tiền mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng) thu giữ trong vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo Nông Thị L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng: bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, xin được cải tạo tại địa phương để có thể tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chưa đến tuổi lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Cơ quan kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố cơ bản đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình tiến hành tố tụng không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Chứng cứ, tài liệu do Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập đều hợp pháp và đảm bảo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, các hành vi tố tụng được đảm bảo hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nông Thị L thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với: Biên bản khám xét (BL: 32 - 33); Biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL: 40 – 43); Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường (BL: 44 - 46); Bản ảnh khám xét và thu giữ vật chứng (BL: 47 – 51); Lời khai những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (BL: 84 – 87; 90 – 96; 103- 104; 107- 108; 123 - 126); lời khai người chứng kiến (BL: 114- 122) và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 19/12/2019 tại quán Karaoke do Nông Thị L làm quản lý ở thôn C, xã H, huyện B, L đã có hành vi nhận 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) của các anh Đoàn Văn L, Nguyễn Văn S (Anh L và anh S rủ nhau cùng thỏa thuận mua dâm), sau đó sắp xếp cho chị Hà Thị P và chị Lê Thị H bán dâm cho Anh L và anh S thì bị phát hiện bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: "Chứa mại dâm" theo quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát huyện Bình Liêu đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo Nông Thị L là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn minh trong xã hội. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, nhận thức được những tác động tiêu cực từ việc chứa mại dâm, nhưng chỉ vì muốn có tiền bằng việc làm bất chính nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[4] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội. Hoàn cảnh gia đình khó khăn, là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật có phần hạn chế, có chồng nhưng đã ly hôn, hiện đang nuôi con chưa đến tuổi lao động, là lao động duy nhất trong gia đình. Bản thân bị cáo sau khi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng, được tặng thưởng huân chương chiến công hạng ba, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về hình phạt chính: Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động duy nhất trong gia đình đang phải nuôi con chưa đến tuổi lao

động, nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: xét thấy trước khi phạm tội bị cáo làm nghề lao động tự do, không có công việc và thu nhập ổn định và tài sản riêng, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, phạt quản chế hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) trong đó có: 01 (một) tờ tiền mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) và 01 (một) tờ tiền mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo là khoản thu lời bất chính từ việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Nông Thị L phạm tội: "Chứa mại dâm"

Áp dụng: khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nông Thị L: 18 (Mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nông Thị L cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Nông Thị L có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Nông Thị L.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, phạt quản chế hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản đối với bị cáo Nông Thị L.

Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự,

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) tờ tiền mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng); 01 (một) tờ tiền mệnh giá 100.000đ (một trăm

nghìn đồng).

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh).

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bị cáo Nông Thị L phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào: Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Báo cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- *Bị cáo; người có qlnvlq;*
- *Cơ quan điều tra CA huyện Bình Liêu;*
- *Cơ quan THAHS huyện Bình Liêu;*
- *Chi cục THADS huyện Bình Liêu*
- *VKSND huyện Bình Liêu;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu HS, VP, TA Bình Liêu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hùng